

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



**TỔNG HỢP NỘI DUNG THAM LUẬN
“TỌA ĐÀM TRAO ĐỔI PHƯƠNG PHÁP
GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
NĂM 2014”**

Lưu hành nội bộ
Ngày 14 tháng 08 năm 2014

A. KINH NGHIỆM CHUẨN BỊ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

I/ Người thực hiện

Họ tên: TS. Nguyễn Hữu Trọng

Email: trongnhntu@gmail.com

Chức vụ: Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin

II/ Nội dung

1. Những vấn đề chung

1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ

a/ Đề cương môn học

Đề cương môn học là tài liệu do giảng viên biên soạn để cung cấp cho người học trước khi giảng dạy môn học, gồm có các nội dung chủ yếu sau đây: thông tin về giảng viên, thông tin chung về môn học, mục tiêu của môn học, tóm tắt nội dung môn học, nội dung chi tiết môn học, học liệu, hình thức tổ chức dạy học, chính sách đối với môn học và phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học.

b/ Nội dung chi tiết môn học

Nội dung chi tiết môn học cần phân biệt 3 phần:

Phần 1: Nội dung cốt lõi – N1(phải biết)

Phần 2: Nội dung liên quan gần – N2 (nên biết)

Phần 3: Nội dung liên quan xa – N3 (có thể biết)

1.2. Mục tiêu, ý nghĩa của việc xây dựng đề cương môn học

- Cung cấp cho sinh viên thông tin về mục đích, nội dung và yêu cầu học tập
- Đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ và là cơ sở để thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra – đánh giá
- Tạo ra một công cụ pháp quy để có thể kiểm tra việc giảng dạy của giảng viên và việc học tập của sinh viên
- Đẩy mạnh khâu tự học, nghiên cứu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo cho sinh viên

1.3. Yêu cầu đối với đề cương môn học

Đề cương môn học phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về môn học, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ
- Tiếp cận chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định

2. XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

2.1. Các bước xây dựng đề cương môn học

- Bước 1: Các giảng viên cùng chuyên môn tổ chức xây dựng đề cương môn học theo “Mẫu đề cương môn học”
- Bước 2: Tổ chức trao đổi và thẩm định cấp tổ chuyên môn;
- Bước 3: Tổ chức thẩm định cấp khoa, có sự tham gia của đại diện phòng đào tạo. Sau trao đổi, tổ chức hoàn chỉnh đề cương môn học để thẩm định, nghiệm thu cấp tổ chuyên môn, cấp khoa và nộp các văn bản nghiệm thu về phòng đào tạo.

2.2. Những nội dung cần chú ý

- Xây dựng Đề cương chi tiết môn học theo đúng hướng dẫn.
- Xác định những mục tiêu cụ thể cần đạt được sau mỗi bài học. Những mục tiêu này đã được thiết kế trong Đề cương chi tiết môn học và được cụ thể hóa vào quy trình kiểm tra - đánh giá đối với bài học.
- Cung cấp cho sinh viên các câu hỏi, các bài tập, bài trắc nghiệm kiến thức cùng với các tiêu chí đánh giá cho bài học sắp tới để sinh viên chuẩn bị trước ở nhà.
- Xác định các nội dung tự học và cách học cho sinh viên để hoàn thành khối lượng kiến thức yêu cầu của phương thức đào tạo theo TC, các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, các loại tài liệu phải đọc, phải tìm kiếm bổ sung để sinh viên chuẩn bị cho thảo luận trên lớp.
- Xây dựng, thu thập, phân loại, hướng dẫn sử dụng các học liệu/tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.
- Xây dựng kịch bản cho một giờ lên lớp bao gồm: - Xác định thời gian, chủ đề, nội dung, yêu cầu cho giờ lên lớp lý thuyết- Lựa chọn các nội dung cốt lõi cần

trình bày trên lớp- Nội dung, vấn đề để sinh viên trình bày và thảo luận trên lớp; khi làm việc theo nhóm.

- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên để điều chỉnh, cải tiến PP DH. GV phải nghiêm túc xem xét kết quả các phiếu hỏi ý kiến của sinh viên để tự điều chỉnh MT, nội dung MH, PPGD, kiểm tra/đánh giá của mình

B. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

I/ Người thực hiện

Họ tên: ThS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Email: ngochanh@upt.edu.vn

Chức vụ: Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin

II/ Nội dung

1. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học (PPDH) là hệ thống những cách thức hoạt động (bao gồm các hành động và thao tác) của giảng viên và sinh viên nhằm thực hiện tốt mục đích và nhiệm vụ dạy học xác định. PPDH bao gồm phương pháp giảng dạy (gọi tắt là phương pháp dạy) và phương pháp học tập (gọi tắt là phương pháp học).

Phương pháp dạy: là phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức cho người học, phương pháp điều khiển các hoạt động trí tuệ và thực hành như dạy tự học (self - study based), dạy học kiểu tìm hiểu (enquiry based), dạy học giải quyết vấn đề (problem solving based), phương pháp giáo dục ý thức và thái độ đúng đắn cho sinh viên.

Phương pháp học: là phương pháp tự điều khiển hoạt động nhận thức và rèn luyện khả năng thu thập thông tin để hình thành hệ thống tri thức và kỹ năng thực hành, hình thành nhân cách của người học và thành đạt mục tiêu học tập. Hai phương pháp này không tồn tại độc lập, tách rời nhau mà liên quan và phụ thuộc nhau, vừa là mục đích vừa là nguyên nhân tồn tại của nhau.

2. Phương pháp dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực (PPDH tích cực) là một thuật ngữ rút gọn , được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục , dạy học theo hướng phát huy tính tích cực , chủ động , sáng tạo của người học. “Tích cực” trong PPDH – tích cực được dùng với tức là hoạt động , chủ động , trái nghĩa với không hoạt động , thụ động

chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực. PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, tức là tập kết vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập kết vào phát huy tính tích cực của người dạy, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì thầy giáo phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Muốn đổi mới cách học phải đổi mới cách dạy. Cách dạy chỉ đạo cách học, nhưng trái lại thói thường học tập của trò cũng ảnh hưởng tới cách dạy của thầy. Chẳng hạn, có trường hợp học sinh đòi hỏi cách dạy tích cực hoạt động nhưng thầy giáo chưa đáp ứng được, hoặc có trường hợp thầy giáo tích cực vận dụng PPDH tích cực nhưng không Thành tựu vì học sinh chưa thích nghi, vẫn quen với lối học tập thụ động. Vì thế, thầy giáo phải bền chí dùng cách dạy hoạt động để dần dần xây dựng cho học sinh phương pháp học tập chủ động một cách vừa sức, từ thấp lên cao. Trong đổi mới phương pháp dạy học phải có sự hợp tác cả của thầy và trò, sự phối hợp ăn nhịp hoạt động dạy với hoạt động học thì mới Thành tựu. Như vậy, việc dùng thuật ngữ “Dạy và học tích cực” để phân biệt với “Dạy và học thụ động”.

3. Mục tiêu, ý nghĩa của việc sử dụng PPGD phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ

Nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu; phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, nâng cao kỹ năng làm việc với người khác, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày, thảo luận cho sinh viên; Tăng cường vai trò tổ chức, hướng dẫn, định hướng, điều khiển của giảng viên đối với hoạt động học, hoạt động tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng của sinh viên; Thúc đẩy và tăng cường mối liên kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học; nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, dạy học nói riêng;

4. Tổ chức thực hiện giờ tín chỉ

a. Giờ lý thuyết

- Nhiệm vụ của giảng viên

- Xây dựng đề cương môn học (syllabus) theo đúng hướng dẫn;
- Xác định những mục tiêu cụ thể cần đạt được sau mỗi bài học: mục tiêu nhận thức thuộc kiến thức, kỹ năng về môn học, rèn luyện các kỹ năng tư duy bậc

- cao (phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề) các kỹ năng nhận thức cơ bản (nghe, nói, đọc, viết,...). Những mục tiêu này đã được thiết kế trong đề cương môn học và được cụ thể hóa vào quy trình kiểm tra - đánh giá đối với bài học;
- Chuẩn bị các câu hỏi để hỏi sinh viên ở trên lớp, các bài tập, bài kiểm tra trên lớp và các tiêu chí đánh giá;
 - Xác định các nội dung tự học và cách học cho sinh viên để hoàn thành khối lượng kiến thức theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, các loại tài liệu phải đọc, phải tìm kiếm bổ sung để sinh viên chuẩn bị cho thảo luận trên lớp;
 - Xây dựng, thu thập, phân loại, hướng dẫn sử dụng các học liệu/tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên;
 - Xây dựng kịch bản cho một giờ lên lớp bao gồm:
 - Xác định thời gian, chủ đề, nội dung, yêu cầu cho giờ lên lớp lý thuyết;
 - Cụ thể hoá phần nội dung giảng viên trình bày (phần trợ giảng, nếu có);
 - Giới thiệu mục tiêu của bài học và các yêu cầu cần thực hiện;
 - Trình bày cấu trúc nội dung dạy học và logic các đơn vị kiến thức của bài giảng;
 - Lựa chọn và chuyển tải nội dung trình bày trên lớp, nội dung cốt lõi cần trình bày. Phần nội dung cốt lõi của bài học: Thời gian dạy tri thức không quá 50% của tiết học; thời gian hướng dẫn tự học không ít hơn 40%; thời gian "tương tác" với người học không ít hơn 30%; thời gian "kiểm chứng" mức độ sinh viên nắm được mục tiêu và nhiệm vụ của bài học không ít hơn 10% thời lượng của tiết học/bài học);
 - Nội dung, vấn đề để sinh viên trình bày và thảo luận trên lớp;
 - Nội dung, vấn đề sinh viên cần giải quyết khi làm việc theo nhóm ...
 - Hướng dẫn cách học cho sinh viên để hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ: các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó;
 - Hướng dẫn, đánh giá sinh viên thảo luận, làm bài tập trên lớp (nếu có).

- Nhiệm vụ của sinh viên

- Lập kế hoạch chi tiết để thực hiện tất cả các nhiệm vụ đối với từng giờ học mà giảng viên giao: tìm, đọc, ghi chép những tài liệu liên quan, hoàn thành bài tập, chuẩn bị bài trình bày tại các buổi thảo luận, chuẩn bị các nội dung làm việc theo nhóm, các vấn đề cần hỏi để trao đổi với giảng viên, ôn bài, đọc bài mới,..;
- Thực hiện thật tốt kế hoạch chi tiết nói trên để tích lũy được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu từng bài học;
- Trước khi đến lớp: xem xét lại việc hoàn thành kế hoạch học tập của mình để chắc chắn đã hoàn thành "khối lượng kiến thức" mà giảng viên đã yêu cầu hoặc các vấn đề cần trao đổi nhằm giải đáp những khúc mắc, chưa rõ;

- Ghi chép trên lớp cho được các mục sau:

- Mục tiêu của bài học và cấu trúc của nội dung bài học;
- Những kiến thức cốt lõi của bài học định hướng tư duy và cho việc lập kế hoạch hoàn thành "khối lượng kiến thức" theo yêu cầu;
- Các hướng dẫn của giảng viên cho sinh viên tự học (ví dụ học liệu nào, ở đâu, địa chỉ cụ thể của các kiến thức cần tìm, cách xử lý các kiến thức đó để hoàn thành mục tiêu bài học).

b. Giờ thảo luận

- Nhiệm vụ của giảng viên

- Lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, yêu cầu, tài liệu tham khảo để từng nhóm hoặc từng sinh viên chuẩn bị và trình bày tại từng buổi thảo luận. Chỉ rõ các địa chỉ thông tin để sinh viên có thể tìm được và hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Soạn kịch bản về các vấn đề cần thảo luận cho từng buổi thảo luận;
- Tham dự, hướng dẫn, đạo diễn, nhận xét và tổng kết thảo luận. Giảng viên cần khẳng định những nội dung đúng, sửa chữa những nội dung chưa đúng hoặc "chốt" nội dung của vấn đề, dùng nó như một phương tiện để chuyển tải nội dung cốt lõi của chủ đề thảo luận;
- Đánh giá, cho điểm phần chuẩn bị trình bày, thảo luận của từng nhóm hoặc từng sinh viên và tích lũy vào kết quả cuối của môn học.

- Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nhận nội dung, vấn đề nghiên cứu, mở rộng, đi sâu vào bản chất, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, chuẩn bị bài trình bày theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên;
- Trình bày báo cáo theo phân công;
- Theo dõi, bổ sung, góp ý bài trình bày của các bạn cùng lớp, hoàn chỉnh bài trình bày đó hoặc của mình;
- Hỏi, đối thoại, tranh luận những vấn đề đã trình bày tại buổi thảo luận;
- Theo dõi sự nhận xét, tổng kết của giảng viên để hoàn chỉnh bài trình bày tại buổi thảo luận;
- Sắp xếp tài liệu có được sau từng buổi thảo luận theo kế hoạch nghiên cứu, học tập của bản thân để dễ sử dụng cho các mục đích khác như làm bài tập nhóm, bài tập lớn học kỳ, kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ....

c. Giờ hoạt động theo nhóm

- Nhiệm vụ của giảng viên

- Lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, công việc và các yêu cầu liên quan cho các nhóm sinh viên thực hiện, nguồn tài liệu tham khảo tối thiểu, ...
- Xây dựng và giao mẫu báo cáo bài tập nhóm/tháng và giải thích yêu cầu hoàn thành báo cáo (thông qua trợ giảng, nếu có);
- Thông báo thời gian nộp báo cáo và thời gian nhận thông tin phản hồi từ phía giảng viên;
- Đánh giá kết quả làm việc theo nhóm sinh viên và tích lũy vào kết quả đánh giá cuối cùng của môn học.

- Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhận nhiệm vụ, thời hạn hoàn thành, mẫu báo cáo hoạt động theo nhóm;
- Nhóm trưởng lên kế hoạch phân công (bằng văn bản) cho từng thành viên với nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, nguồn tài liệu tham khảo, lịch họp nhóm theo kế hoạch. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ đặt ra của buổi thảo luận nhóm hay bài thực hành, triển khai kế hoạch mà bản thân đã dự kiến, chuẩn bị trước, xem xét kết quả đạt được so với mục tiêu đặt ra;

- Nhóm trưởng lập báo cáo, thông qua toàn nhóm trước khi nộp cho giảng viên. Xem xét lại những gì đã thu nhận được và tóm tắt lại kết quả chính các buổi hoạt động theo nhóm cho bản thân và lưu giữ phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ.

d. Giờ thực hành, thực tập, thí nghiệm

Loại hoạt động này chỉ áp dụng cho những môn học có yêu cầu trong khung chương trình đào tạo.

- Nhiệm vụ của giảng viên

- Giảng viên dạy thực hành (nếu có) kết hợp với giảng viên dạy lý thuyết cùng chuẩn bị kịch bản cho từng buổi hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu từng môn học, trong đó có nêu các vấn đề về an toàn lao động liên quan;
- Xây dựng và giao cho sinh viên chuẩn bị nội dung, vấn đề trước khi triển khai thực hành, thực tập, thí nghiệm;
- Chỉ đạo hoặc/và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sinh viên làm thực hành, thực tập, thí nghiệm;
- Hướng dẫn sinh viên làm thực hành, thực tập, thí nghiệm;
- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hành, thực tập, thí nghiệm của sinh viên.

- Nhiệm vụ của sinh viên:

- Hoàn thành công tác chuẩn bị cho thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu của giảng viên, đề xuất vấn đề, câu hỏi cần hỏi giảng viên;
- Làm các bài thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu môn học và hướng dẫn của giảng viên. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn lao động;
- Viết báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm và nộp cho giảng viên đúng hạn;
- Hoàn chỉnh báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm theo góp ý, đánh giá của giảng viên.

e. Tự học, tự nghiên cứu

- Nhiệm vụ của giảng viên

- Xác định và giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên: Chọn trong chương trình môn học những nội dung, vấn đề (ngoài những nội dung, vấn đề

đã được thảo luận tại lớp, hoạt động theo nhóm) và chỉ rõ mục đích, yêu cầu, cách thức thực hiện để giao cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Liệt kê đủ chi tiết các công việc sinh viên phải làm;

- Biên soạn các tiêu chí đánh giá, xác định thời gian nộp báo cáo kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và thông báo cho sinh viên ngay khi giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu;
- Cung cấp tài liệu và giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tối thiểu sinh viên cần đọc, nghiên cứu. Hướng dẫn cách thức tìm kiếm, xử lý thông tin khi tự học, tự nghiên cứu (chỉ rõ cách tìm kiếm theo cấu trúc kiến thức của bài học, cụ thể đến từng chương, mục, trang,... của các học liệu thông qua các phiếu học tập phát cho sinh viên trong giờ lên lớp của bài học đó);
- Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc dễ dàng và nhận các tư vấn cần thiết;
- Đánh giá, nhận xét kết quả tự học, tự nghiên cứu, tận dụng thời gian trả bài như một giờ giải đáp và sửa lỗi cho sinh viên;
- Đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và tích lũy kết quả cuối cùng của môn học.

- Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhận và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu mà giảng viên giao (nhà trường khuyến khích sinh viên nghiên cứu mở rộng hơn những nội dung và vấn đề được giao);
- Thực hiện thật tốt kế hoạch nói trên (mạnh dạn liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu);
- Viết báo cáo thu hoạch theo các tiêu chí đánh giá của giảng viên, tranh thủ những ý kiến góp ý của bạn, tư vấn của giảng viên trước khi nộp bài;
- Hệ thống hóa, lưu giữ tài liệu, kết quả tự học, tự nghiên cứu thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng sau này.

5. Quy trình thực hiện phương pháp dạy học phù hợp theo học chế tín chỉ

Bước 1. Xác định mục tiêu dạy học của từng bài học phù hợp với hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ;

Bước 2. Trên cơ sở đề cương môn học, hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ, số giờ dành cho mỗi hình thức, nội dung, các công việc của giảng viên, sinh viên ở mỗi hình thức đã nêu ở mục II của văn bản này, lập kế hoạch chi tiết và giáo án để xây dựng các kịch bản lên lớp;

Bước 3. Lựa chọn các phương pháp phù hợp với hướng dẫn ở mục 2 văn bản này; Kết hợp nhiều phương pháp trong một giờ học nhằm lấy ưu điểm của phương pháp này khắc phục những nhược điểm của phương pháp kia và tạo sự linh hoạt, đa dạng trong một giờ học; Trong quá trình lựa chọn các phương pháp phù hợp, giảng viên cần kết hợp yếu tố kiểm tra - đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình dạy - học. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên là một phương pháp hỗ trợ rất hiệu quả cho các PPDH, được áp dụng như một sự thư giãn sau 20 - 25 phút thuyết giảng hay thảo luận sẽ làm cho giờ học sinh động hơn, đồng thời cung cấp các thông tin phản hồi kịp thời cho giảng viên điều chỉnh cách dạy của mình.

Bước 4. Xây dựng một số bài tập kiểm tra, đánh giá có thể dùng trong quá trình lên lớp;

Bước 5. Xây dựng kịch bản lên lớp cho các loại giờ học cụ thể;

Bước 6. Chuẩn bị bài giảng ở dạng powerpoint hoặc các hình thức khác dựa vào các tài liệu nêu trên, thực hiện các hoạt động dạy theo yêu cầu tín chỉ đã hướng dẫn ở mục II của văn bản này;

Bước 7. Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên để điều chỉnh, đổi mới PPDH. Giảng viên thiết kế phiếu hỏi ý kiến đánh giá của sinh viên: về nội dung chuyên môn; độ cập nhật thông tin; về hoạt động dạy - học trên lớp, trong phòng thí nghiệm; về cách thức giao nhiệm vụ và cách đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; về kiến thức, thái độ, kỹ năng mà sinh viên có được sau khi học xong môn học.

Phiếu hỏi ý kiến đánh giá của sinh viên phải được chủ nhiệm bộ môn thông qua.

Giảng viên phải nghiêm túc xem xét kết quả các phiếu hỏi ý kiến của sinh viên để tự điều chỉnh mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá. Khuyến khích giảng viên báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên cho chủ nhiệm bộ môn để rút kinh nghiệm cho các môn học khác.

6. Nhiệm vụ của giảng viên trước khi lên lớp và ngoài giờ lên lớp

- Xây dựng đề cương môn học

Phải xây dựng đề cương chi tiết môn học theo đúng mẫu đã ban hành. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên.

- Xây dựng quy trình kiểm tra - đánh giá

Phải xây dựng quy trình kiểm tra - đánh giá theo đúng các quy định hiện hành của nhà trường, lưu ý kiểm tra toàn bộ khối lượng kiến thức theo yêu cầu của dạy học phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ (kiến thức giảng viên chuyển tải trên lớp, sinh viên tự tích lũy thông qua các hình thức học tập khác).

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc dạy học

- Tập giáo án cho toàn môn học;
- Kịch bản giờ lên lớp với sự chuẩn bị chu đáo phần hướng dẫn tự học của sinh viên;
- Tập bài giảng có sử dụng phần mềm dạy học (dạng full text và dạng Powerpoint);
- Tập tài liệu/ học liệu bổ trợ cho môn học đã thu thập được hoặc có minh chứng là sinh viên có thể tiếp cận được;
- Tài liệu hướng dẫn chi tiết cách tích lũy đủ khối lượng kiến thức cho sinh viên theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ;
- Các mẫu vật, hiện vật hoặc các địa chỉ cần tham quan, khảo sát thực địa.

Tham gia nghiên cứu khoa học và đưa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy, vào thực tiễn.

C. PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TÌM KIẾM THÔNG TIN, TÀI LIỆU CHO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I/ Người thực hiện

Họ tên: ThS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Email: ngochanh@upt.edu.vn

Chức vụ: Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin

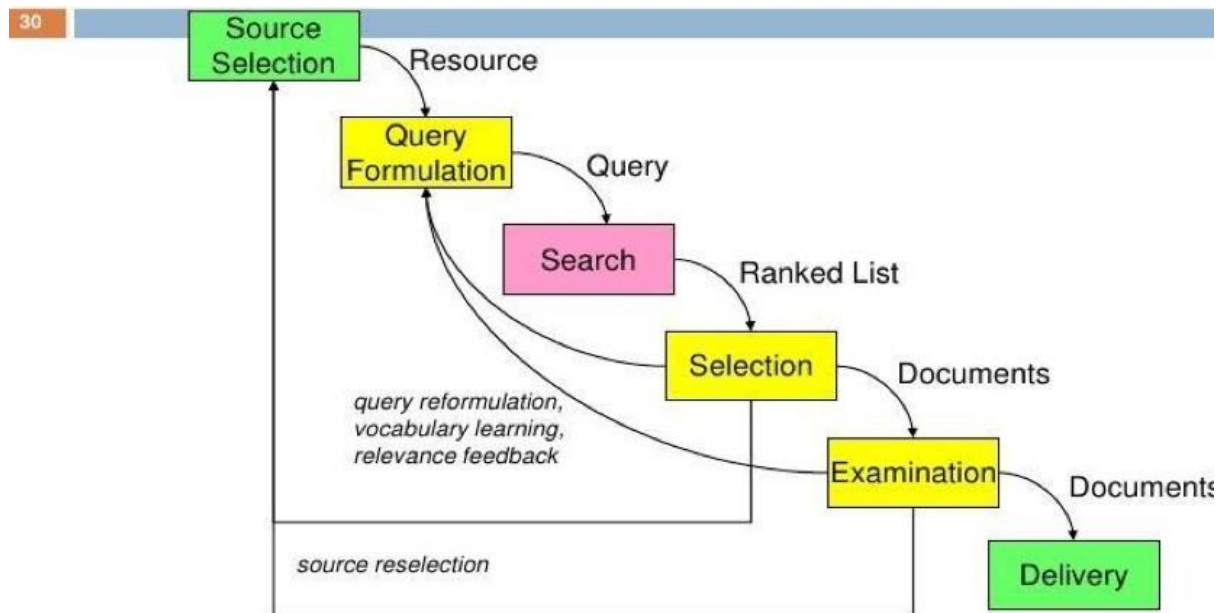
II/ Nội dung

1. Tại sao lại là tìm kiếm và chọn lọc nguồn tài liệu?

Lâu nay ở Việt Nam việc tìm kiếm tài liệu trong quá trình nghiên cứu khoa học dường như vẫn chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức dù rằng vai trò của công tác này là rất quan trọng. Tiến Sĩ Trần Mai Ước đã từng chỉ ra rằng “... vẫn còn một số trường đại học và cao đẳng không đưa môn phương pháp nghiên cứu khoa học vào giảng dạy cho giảng viên. Do vậy, tồn tại một bộ phận giảng viên chưa nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, cách tìm tài liệu tham khảo ...”. Ngoài ra, có thể thấy trong không ít tài liệu khoa học, phần tài liệu tham khảo chiếm một vị trí hết sức khiêm tốn, thông tin trích dẫn, tham khảo được trình bày không đúng chuẩn mực và vẫn thường được dễ dàng cho qua. Cùng với sự bùng nổ của Internet, xu hướng sử dụng mọi thứ tìm thấy trên Internet để đưa vào tài liệu khoa học mà không kiểm chứng nguồn gốc, độ tin cậy, giá trị và tuân thủ các quy tắc trình bày và sử dụng tài liệu đã và đang ngày càng phổ biến.

Để giải quyết những vấn đề nêu trên, người nghiên cứu khoa học phải thật sự làm chủ kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc nguồn tài liệu và nâng cao yêu cầu khoa học đối với việc nghiên cứu tài liệu.

2. Các bước để tìm kiếm và chọn lọc nguồn tài liệu một cách có hiệu quả



Hình 1: Sơ đồ quy trình tìm kiếm thông tin (© Muhammad Atif Qureshi, A Look Into the Science of Web Search Engines, Mượn từ Giáo Sư Jimmy Lin, Đại học Maryland)

Có hai giai đoạn chính để tìm kiếm và chọn lọc nguồn tài liệu:

- Định hướng tìm kiếm nguồn tài liệu
- Tìm kiếm và chọn lọc nguồn tài liệu

Giai đoạn 1: Định hướng tìm kiếm nguồn tài liệu

a. Định dạng ý tưởng

Là quá trình động não để xác định rõ ràng và chính xác những ý tưởng cho đề tài nghiên cứu.

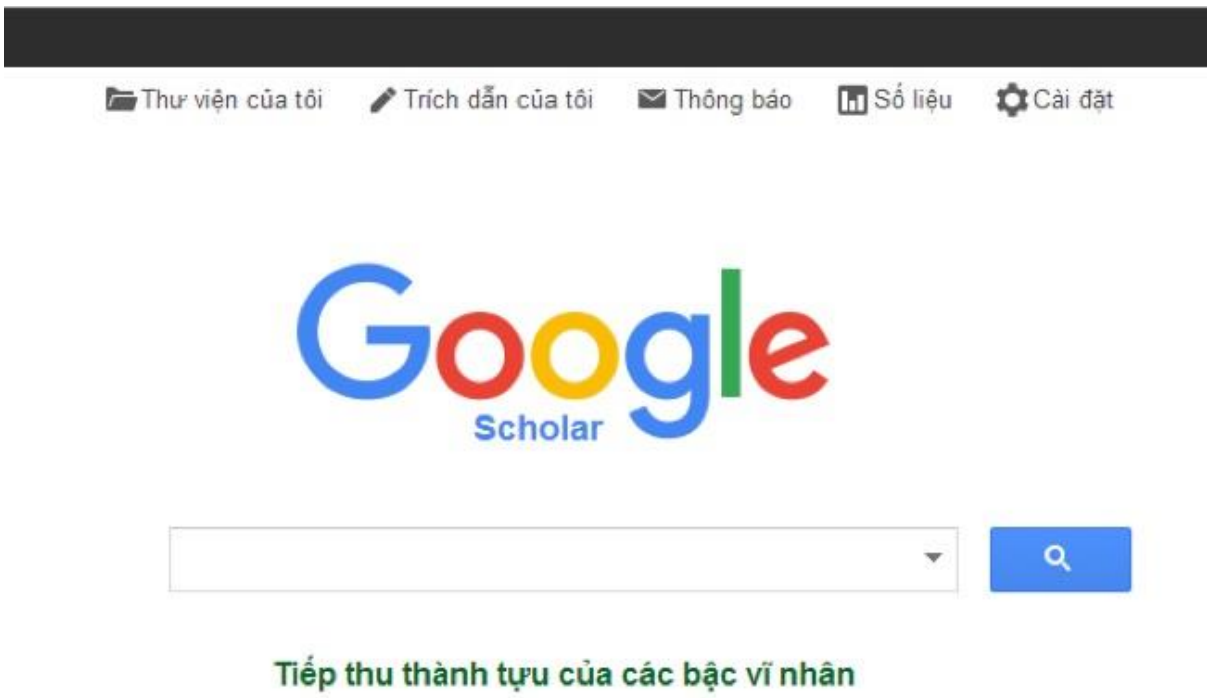
Động não là một kỹ thuật hội ý nhằm tìm ra lời giải cho một vấn đề cụ thể bằng cách tập trung tất cả các ý tưởng nảy sinh trong một khoảng thời gian nhất định với những nguyên tắc nhất định. Quá trình này gồm ba bước lần lượt như sau:

- Suy nghĩ tự do
- Liệt kê các ý tưởng đã suy nghĩ ra một cách có trật tự
- Lọc lấy những ý tưởng hợp lý với nghiên cứu của mình.

b. Định vị nguồn

Sau khi đã có được những ý tưởng phù hợp với chủ đề nghiên cứu, tương ứng với từng nhóm ý tưởng khác nhau sẽ có nguồn cung cấp khác nhau để tìm hiểu. Hiểu rõ đặc điểm, ưu và nhược của các nguồn tài nguyên sẽ từ giúp lựa chọn công cụ tìm kiếm phù hợp.

- Tài liệu tham khảo thường có ở các nguồn như: Thư viện online (sách, tạp chí, tài liệu nghe nhìn, các văn bản nhà nước, các luận văn, luận án,...), trung tâm tài liệu và các tủ sách chuyên ngành, các cơ sở dữ liệu, danh bạ mạng, bộ máy tìm kiếm (**Google, Google Scholar, Scirus**)



Hình 2: Giao diện Google Scholar,
nguồn:<https://scholar.google.com.vn/schhp?hl=vi&tab=ws>)

- Các nguồn tài nguyên khác: Các nhà xuất bản khoa học, nhà trung gian cung cấp tài liệu (các website của các nhà xuất bản khoa học giới thiệu các ấn phẩm của mình và trực tiếp phân phối tài liệu), bách khoa toàn thư, từ điển thuật ngữ chuyên ngành, diễn đàn chuyên môn và website, blog cá nhân và đặc biệt là các nguồn tài liệu mở (**Open Access**)*.

* Là các nguồn chứa bài báo, công trình khoa học miễn phí cho mọi đối tượng đọc giả. Đây là một xu hướng mới, đang phát triển mạnh trên khắp thế giới, nhằm giảm thiểu chi phí truy cập toàn văn các tài liệu khoa học, kỹ thuật, đặc biệt được các tổ chức lớn lưu ý trong các chương trình hỗ trợ các nước đang phát triển. Một số ví dụ về Open Access điển hình bao gồm trang thư viện thông tin khoa học, kỹ thuật và giáo dục bằng tiếng Pháp Infothèque hay Thư viện Khoa học Mở PLoS.



Hình 3 : Giao diện của Infothèque, nguồn: <http://infotheque.info>

Giai đoạn 2: Tìm kiếm và chọn lọc nguồn tài liệu

Khi đã biết được cần những loại tài liệu nào, chọn công cụ nào phù hợp rồi, thì cần biết cách khai thác các công cụ tìm kiếm làm sao cho hiệu quả, có chiến lược mà không phải dò dẫm may rủi, và làm sao để đánh giá và chọn lọc được những tài liệu có giá trị tham khảo về mặt khoa học qua hai bước:

- Khai thác các công cụ tìm kiếm;
- Đánh giá và chọn lọc kết quả tìm kiếm.

Có hai phương thức chính để khai thác thông tin qua bằng các công cụ tìm kiếm, cụ thể như sau:

Phương thức 1. Phương thức tìm kiếm thông tin bằng danh bạ mạng:

- Tìm theo mục và phụ mục: người dùng chỉ cần nhấp chuột lên một mục mong muốn, sau đó đến một phụ mục, rồi phụ mục con, cho đến khi nào tìm thấy website phù hợp với nhu cầu tìm kiếm.

- Tìm theo từ khóa: gõ từ cần tìm vào ô tìm kiếm, và danh bạ sẽ thực hiện việc tìm kiếm trong toàn bộ nội dung của nó, bao gồm cả các chuyên mục và nội dung mô tả (tên trang web, tóm tắt, v.v...).

Phương thức 2. Phương thức tìm kiếm qua các bộ máy truy cập thông tin trên mạng Internet:

Người dùng vào mạng Internet và thực hiện các bước sau đây để tìm kiếm thông tin hiệu quả:

- Đánh từ khóa liên quan của nghiên cứu vào ô truy cập
- Thêm dấu ngoặc kép để thu gọn kết quả tìm kiếm
- Thêm dấu gạch nối trước một từ để loại chúng ra khỏi danh sách tìm kiếm (vd: **Khó khăn** trong tìm nguồn tài liệu nghiên cứu – không có internet)
- Trong cụm từ khoá, kèm theo tên hoặc địa chỉ một trang web có chứa nội dung tương tự mà người nghiên cứu đã biết (vd: kỹ năng tìm kiếm tài liệu khoahtre.com.vn)
- Tìm kiếm nâng cao bằng các bộ máy chuyên ngành như Google Scholar hoặc Google Books.

Để đánh giá, chọn lọc kết quả, nhà nghiên cứu cần dựa trên các yếu tố quyết định giá trị khoa học của tài liệu như:

Yếu tố 1. Tính chính xác và khách quan khoa học của tài liệu:

Thường thì các tài liệu ở các trang học thuật như Google Scholar, các trang đuôi .gov, .edu, có phần “library” sẽ là lựa chọn tốt nhất)

Yếu tố 2. Quy trình công bố thông tin được tổ chức với sự phản biện khoa học chặt chẽ

Yếu tố 3. Uy tín, kinh nghiệm xuất bản khoa học của đơn vị phát hành tài liệu

Có thể xem xét thứ hạng/ tiếng tăm của đơn vị phát hành tài liệu bằng Google Scholar hoặc Google. Đối với các tạp chí khoa học, chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor) là một trong các tiêu chí tốt dùng để đánh giá uy tín.

Yếu tố 4. Uy tín, kinh nghiệm khoa học của tác giả

Xem thông tin về nhà khoa học bằng Google Scholar, các trang thông tin khoa học của các trường đại học, các blog cá nhân, diễn đàn chuyên môn)

Nói tóm lại, xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam đòi hỏi các nhà nghiên cứu cũng như những học sinh, sinh viên có đam mê cần phải nâng cao yêu cầu về độ tin cậy, giá trị và tính khoa học của nguồn tài liệu một cách chuyên nghiệp hơn. Điều này, đòi hỏi các nhà nghiên cứu không chỉ quan tâm đến mỗi các nguồn tài nguyên để tìm kiếm ở trên mạng Internet mà còn phải biết đào sâu các nguồn tài nguyên truyền thống như thư viện trường, tủ sách... một cách khoa học và có trình tự để nghiên cứu một cách có hiệu quả.

Một số tài liệu tham khảo chính:

1. Nguyễn. T. Đ. (2007). *Phương pháp nghiên cứu tài liệu trong nghiên cứu khoa học*. Truy cập tại <http://www.khoahocviet.info/meresci/vi/meresci02b.html> (12-20-2016)
2. Alex O. (1941). *Applied Imagination*. Truy cập tại: <http://rangahau.co.nz/research-idea/20/> (02-02-2016)
3. Trần. M. U (2013). *Nghiên cứu khoa học của giảng viên – yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay*, Bản Tin Khoa Học Và Giáo Dục, Số thứ 4, 8/2013
4. Tham khảo về cách thức để tìm kiếm tài liệu bằng google. Truy cập tại <https://tinhte.vn/threads/infographic-thu-thuat-lam-the-nao-de-google-mot-cach-hieu-qua-nhat.2475679/> (01-02-2016)

D. CÁC PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

I/ Người thực hiện

Họ tên: TS. Phạm Đình Trung

Email: phamdinhtung@upt.edu.vn

Chức vụ: Trưởng khoa Công nghệ thông tin

II/ Nội dung

1. Mở đầu

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo đại học nói chung và đào tạo luật nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình

dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học của sinh viên mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của giảng viên, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của người dạy đó là giảng viên và đổi mới phương pháp học tập của người học đó là sinh viên.

Một thực tế chung hiện nay là ở đại đa số các trường đại học, trong đó có cả trường trường Đại học Phan Thiết, việc kiểm tra, đánh giá kết quả và chất lượng học tập của sinh viên vẫn chưa thực sự hợp lý. Cụ thể, việc đánh giá chưa phản ánh đúng thực chất năng lực học tập của sinh viên, các loại câu hỏi kiểm tra, đánh giá vẫn theo hướng học thuộc lòng hay học tủ, vừa tốn thời gian học lại không mang hiệu quả cao. Hơn nữa, việc đánh giá vẫn còn nặng về hình thức, điểm số, do đó phần nào hạn chế sự chính xác và khách quan trong đánh giá. Điều này khiến cho sinh viên có tâm lý sợ bị kiểm tra, học chủ yếu để đối phó với việc kiểm tra, đánh giá chứ không thực sự xem hoạt động kiểm tra là cơ hội để đánh giá lại một cách khách quan kiến thức mà mình tích lũy được.

Bài tham luận này, tôi sẽ đi sâu phân tích một số nội dung về ý nghĩa, yêu cầu của việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong đào tạo mà điển hình là trong đào tạo cử nhân Công nghệ thông tin tại trường Đại học Phan Thiết và qua đó đề xuất một số phương pháp kiểm tra, đánh giá mới nhằm khắc phục được tình trạng kiểm tra đánh giá chưa phản ánh đúng kết quả học tập của sinh viên, nhằm góp phần nâng cao nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Thực trạng của việc kiểm tra đánh giá hiện nay

Từ trước đến nay, trường Đại học Phan Thiết vẫn áp dụng hình thức kiểm tra đánh giá truyền thống, đó là tổ chức kiểm tra bộ phận và kiểm tra kết thúc học phần môn học thông qua hình thức thi viết hoặc thi vấn đáp.

Đối với hình thức kiểm tra bộ phận, đa số các giảng viên áp dụng cách thức kiểm tra bất ngờ (không thông báo trước), mục đích vừa kiểm tra kiến thức, lại vừa kiểm tra tính chuyên cần của sinh viên. Hình thức tổ chức kiểm tra bộ phận được tiến hành khác nhau tùy vào từng giảng viên phụ trách môn học. Có giảng viên lựa chọn hình thức kiểm tra trắc nghiệm, có giảng viên lựa chọn hình thức giải quyết tình huống hoặc

bình luận một số nhận định v.v...Hình thức thuyết trình theo nhóm hoặc làm tiểu luận ở nhà cũng được một số giảng viên lựa chọn.

Đối với hình thức thi kết thúc học phần, việc kiểm tra đánh giá dựa trên nội dung đề thi, được cơ cấu khác nhau tùy vào từng môn học. Hiện nay, trong đào tạo chung của trường Đại học Phan Thiết có hệ chính quy và không chính quy (tại chức) có các học phần pháp luật thuộc cơ sở ngành của các ngành đào tạo vẫn áp dụng cách thức ra đề như sau: từng giáo viên phụ trách giảng dạy môn nào của lớp nào sẽ ra đề thi cho lớp đó, có lúc không thông qua lãnh đạo khoa luật để thẩm tra duyệt đề thi và kết quả chấm thi của từng giảng viên. Việc ra đề, vì thế, có thể được giới hạn vào những phần trọng tâm mà giảng viên xác định trước với sinh viên trước khi kết thúc môn học, nhưng có thể sẽ nảy sinh tình trạng học “tủ” trong sinh viên. Mặt khác, nó không kiểm soát được việc nội dung đề thi và đáp án của giảng viên đó có kịp thời cập nhật những thay đổi về pháp luật có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không? vì thế làm giảm hiệu quả trong việc đánh giá kiến thức của sinh viên.

Qua phân tích trên có thể thấy cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên tại trường Đại học Phan Thiết chủ yếu vẫn được thực hiện dưới dạng giảng viên yêu cầu sinh viên làm bài trên lớp hoặc tiến hành thi và chấm điểm. Tuy nhiên, thực tế thì các bài kiểm tra và bài thi nhiều khi chưa phản ánh đúng chất lượng học tập của sinh viên và chưa có tác dụng kích thích tính tích cực, chủ động trong học tập của sinh viên. Do vậy, việc đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá để nâng cao hơn nữa hiệu quả dạy và học luật lại càng trở nên cần thiết.

3. Ý nghĩa và các yêu cầu của việc đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá trong đào tạo nói chung và đào tạo cử nhân luật

a/ Ý nghĩa của việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trước hết, cần khẳng định rằng việc đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá có một số ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động đào tạo luật, cụ thể là:

Thứ nhất, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá sẽ giúp cho các giảng viên, những nhà quản lý có thêm những biện pháp, những “thước đo” để đánh giá chính xác và khách quan hơn kết quả học tập của sinh viên.

Thứ hai, phương pháp kiểm tra đánh giá được đổi mới cũng góp phần thúc đẩy tinh thần học tập chủ động, tích cực, thúc đẩy sự đam mê nghiên cứu, rèn luyện khả năng lập luận của sinh viên.

Thứ ba, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học luật, giúp các giảng viên không ngừng cải tiến phương pháp dạy học nhằm mục đích đào tạo được đội ngũ những người thuộc các chuyên ngành khác và người hành nghề luật thực sự có trình độ, khả năng, kiến thức cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

b/ Các yêu cầu của việc đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đảm bảo việc kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả và đạt được những ý nghĩa như trên, một số yêu cầu cần đặt ra khi tiến hành đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá. Đó là:

Thứ nhất, đánh giá phải tập trung vào sự hiểu bài là chính, phải thông qua việc vận dụng kiến thức đã học vào việc làm các loại bài tập, giải quyết các tình huống mới dựa trên các kỹ năng phân tích, tổng hợp, lập luận... của sinh viên chứ không đơn thuần chỉ dựa vào sự tái nhận hay sự tái hiện.

Thứ hai, đánh giá phải nhằm khuyến khích việc học tập của sinh viên. Ngoài chức năng cho điểm và xếp loại sinh viên, cần phải quan tâm đến chức năng khuyến khích, tạo động lực cho việc học của sinh viên, hướng việc học của sinh viên vào các hoạt động học tập tích cực, tránh việc học vì điểm số.

Thứ ba, đánh giá phải phù hợp với đối tượng, nhưng vẫn không ngoài những kiến thức và nội dung trọng tâm của môn học. Có sự phân hóa giữa các học lực của sinh viên trong cơ cấu đề thi

Thứ tư, các tiêu chí đánh giá cần được công khai hoá để sinh viên có thể tự đánh giá được kết quả học tập của mình và đối chiếu kết hợp sự đánh giá đó với sự đánh giá của giảng viên.

Thứ năm, cần có những thông tin phản hồi cho sinh viên. Sau mỗi bài kiểm tra trên lớp, cần tập trung lưu ý cho sinh viên những điều sinh viên làm tốt, những sáng

tạo trong bài làm, nhưng đặc biệt hơn là phân tích kĩ những sai sót để họ rút kinh nghiệm chung và có cơ hội cải tiến việc học tập của mình.

Cần xác định được rằng đánh giá xuất phát từ luận điểm “sự liên hệ ngược”, là tạo lập mối quan hệ thông tin ngược (kênh thông tin phản hồi) trong quản lý, cung cấp cho giảng viên những thông tin đã được xử lý chính xác để điều chỉnh và thực hiện hoạt động giảng dạy có hiệu quả hơn, đồng thời giúp sinh viên tự điều chỉnh ý thức, hành vi và hoạt động học tập của mình một cách có hiệu quả và chất lượng hơn.

Thứ sáu, cho phép sinh viên tham gia vào quá trình đánh giá, ví dụ như đối với một số hình thức kiểm tra đánh giá trên lớp, sinh viên có thể tự cho điểm, sau đó bạn cho điểm, cuối cùng giảng viên mới cho điểm. Việc cho phép sinh viên tham gia vào quá trình đánh giá như trên có đóng góp đáng kể cho sự thúc đẩy quá trình học tập, đặc biệt quá trình cải tiến phương pháp học tập, ngoài ra nó còn nhằm tập cho sinh viên cách đánh giá, cho điểm sau này ra trường tự tin, thông thạo vì không còn ngỡ ngàng.

4. Một số đề xuất về đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

a/ Phương pháp kiểm tra đánh giá chung

Giảng viên sẽ đánh giá năng lực tiếp thu môn học qua việc cộng tổng số điểm của các bài tập tuần, bài tập lớn, tiểu luận, seminar để lấy một điểm bộ phận, sau đó phòng Đào tạo sẽ cộng với điểm thi kết thúc học phần để có điểm đạt của từng môn học. Phương pháp đánh giá như vậy sẽ phù hợp với hoạt động đào tạo luật hơn vì sẽ thực sự đánh giá được công trình nghiên cứu, khả năng tìm tòi, học hỏi, tư duy sáng tạo của người học chứ không phải chỉ đánh giá trí nhớ của sinh viên đối với bài giảng của giảng viên thông qua các kỳ thi.

b/ Các hình thức kiểm tra đánh giá cụ thể

Thông thường, kết quả học tập của sinh viên đều dựa trên kết quả bài kiểm tra hết môn học. Như trên đã đề cập, từ nhiều năm nay, Trường Đại học Phan Thiết đã áp dụng việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên làm hai đợt (giữa môn học và khi thi hết môn với tỉ lệ điểm 4/6). Điều này cũng đã nâng tính chính xác của đánh giá lên một mức, sinh viên cũng đã chịu khó học bài đều hơn. Tuy nhiên việc đánh giá không đơn thuần chỉ thông qua điểm kiểm tra. Cuối cùng, sai lầm rất thông thường vẫn có thể lặp lại trong các môn học kế tiếp. Song song với điều này, cần phải nói đến một vấn đề

quan trọng trong kiểm tra, đánh giá, đó là đáng giá thường xuyên và vai trò của việc tự đánh giá (đánh giá tích cực). Tất cả những vấn đề này, việc đánh giá theo lối truyền thống là không thể làm được. Trên cơ sở đó, tôi đề xuất áp dụng một số hình thức kiểm tra đánh giá như sau:

(1) Kiểm tra đánh giá thông qua hình thức thảo luận và giải quyết bài tập tuần, bài tập lớn của môn học

Bài tập tuần được thiết kế dựa trên nội dung của một (hoặc một số) mục nhỏ trong một chương của môn học. Mỗi chương lại có một bài tập lớn, đề cập đến những nội dung quan trọng nhất của chương đó. Giảng viên cũng có thể chuẩn bị các bài tập lớn, trong đó có những câu hỏi nhỏ tương ứng với bài tập tuần. Cần nhấn mạnh rằng các bài tập sẽ được thiết kế dưới dạng giải quyết tình huống chứ không phải trả lời câu hỏi lý thuyết, mục đích là để đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn. Các bài tập này sẽ được chuyển cho các nhóm sinh viên sử dụng trong các buổi thảo luận. Trên cơ sở thảo luận và giải quyết bài tập của các nhóm, giảng viên sẽ chấm điểm và lấy đó làm cơ sở để tích lũy cho điểm bộ phận.

(2) Kiểm tra, đánh giá thông qua tiểu luận và thuyết trình

Bên cạnh cách đánh giá kết quả học tập thông qua việc giải quyết tình huống, giảng viên cần kết hợp thêm cách đánh giá thông qua các công trình nghiên cứu nhỏ dưới dạng tiểu luận và thông qua thuyết trình đề tài. Hình thức kiểm tra đánh giá này rất phù hợp với sinh viên luật vì nó giúp giảng viên đánh giá được khả năng lập luận của sinh viên, từ đó cũng giúp cho sinh viên có điều kiện rèn luyện thêm khả năng lập luận để có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nghề luật sau này.

(3) Kiểm tra, đánh giá thông qua đề thi kết thúc học phần

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên dù đào tạo theo niên chế hay đào tạo theo tín chỉ thì bài thi học phần của sinh viên vẫn là chủ đạo trong quá trình đánh giá. Để có thể đánh giá một cách tương đối toàn diện kiến thức của sinh viên, cơ cấu đề thi kết thúc học phần nên được xây dựng thành ba phần:

- (1) *Phần trắc nghiệm*: gồm một số câu nhận định, yêu cầu sinh viên trả lời dưới dạng trắc nghiệm đúng/sai hoặc trắc nghiệm lựa chọn phương án.

(2) *Phân tự luận*: gồm một câu phân tích hoặc bình luận ngắn gọn một vấn đề pháp lý. Đối với sinh viên luật, dạng câu hỏi này vẫn rất cần thiết vì nó giúp kiểm tra được khả năng khái quát, tổng hợp, phân tích và lập luận của sinh viên dựa trên những kiến thức mà giảng viên đã truyền đạt.

(3) *Phân giải quyết bài tập*: gồm một (hoặc vài) tình huống hoặc vụ việc cụ thể, trên cơ sở đó có thể kiểm tra, đánh giá được khả năng vận dụng kiến thức pháp lý của sinh viên.

Ngoài ra, để có thể đánh giá khách quan hơn kết quả học tập của sinh viên, nên xây dựng và thống nhất áp dụng ngân hàng đề thi cho cả sinh viên các hệ chính quy và vừa học vừa làm. Ngân hàng đề thi sẽ do từng bộ môn xây dựng, sau đó giao cho Phòng khảo thí và kiểm định chất lượng của trường quản lý và sử dụng cho các kỳ thi hết môn. Tuy nhiên, để khắc phục tình trạng ngân hàng đề thi bị lạc hậu, cứ sau mỗi học kỳ hoặc chậm nhất là sau 1 năm học, Phòng khảo thí và kiểm định chất lượng của trường sẽ yêu cầu các bộ môn rà soát lại ngân hàng đề thi để có sự bổ sung, cập nhật kịp thời.

(4) . Kiểm tra, đánh giá thông qua việc tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức thi vấn đáp đối với hệ chính quy.

Thay vì tổ chức thi viết như hiện nay, chúng ta phải mạnh dạn áp dụng cách tổ chức thi vấn đáp kết thúc các học phần cho sinh viên. Cách tổ chức thi này nó đóng vai trò tích cực trong việc khẳng định kiến thức của người học, tức là người học được trực tiếp đối mặt với thực tế diễn ra trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 phút để hoàn thành yêu cầu đề thi mà người đó bốc được và đã chuẩn bị. Người đặt ra câu hỏi bổ sung khi người học đã trình bày xong nội dung thi của mình là Giảng viên tham gia chấm thi vấn đáp. Ở công đoạn này, người học phải trả lời và người giảng viên đưa ra câu hỏi bổ sung đó khẳng định kết quả đúng sai, nếu sai thì giảng viên có trách nhiệm giải thích đúng để người dự thi tiếp nhận kiến thức và tiếp tục đưa ra câu hỏi bổ sung tiếp cho đến khi nào người thi trả lời đúng thì người giảng viên ghi kết quả điểm dự thi của sinh viên đó vào danh sách dự thi. Như vậy, ở một góc độ tiếp thu kiến thức, người học rất có lợi thế để áp dụng kiến thức đúng mà giảng viên khẳng định mình trả lời đúng cũng như tiếp nhận kiến thức bổ trợ khi mình trả lời sai được giảng viên bổ sung. Ngoài ra, khi ra trường người học áp dụng những kiến thức qua cách thi vấn đáp này

trong thực tiễn một cách rất tự tin hơn là cách tổ chức thi viết cắt phách lưu bài thi tại các khoa trong 2 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 21 quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43 ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận

Tóm lại, việc thay đổi cách thức kiểm tra và đánh giá là một công việc không thể thiếu được trong tiến trình đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu đổi mới của đất nước, yêu cầu của thời đại, yêu cầu thay đổi mục tiêu giáo dục, đáp ứng được yêu cầu của ngành và của xã hội, sự thay đổi nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy luật đòi hỏi phải có sự thay đổi về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cho tương ứng. Thông qua việc đổi mới này, tạo điều kiện cho hoạt động kiểm tra đánh giá có thể trở thành công cụ hữu hiệu của hệ thống điều khiển giúp cho việc nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo; nâng cao tinh thần chủ động, sáng tạo của giảng viên, tính tích cực học tập, rèn luyện của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu tập huấn “dạy và học tích cực” Dự án Việt – Bỉ, nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, Tháng 7 năm 2007.
- Tài liệu tập huấn “Học theo dự án” Dự án Việt – Bỉ, nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, Tháng 6 năm 2008.
- Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ về đổi mới phương pháp dạy học ở trường Trung cấp chuyên nghiệp theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Viện khoa học giáo dục Việt Nam, Năm 2003.
- Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.